ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 ngày 7 tháng 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

Uỷ ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT, TH, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về công tác xây dựng, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin hệ thống đất đai (sau đây gọi tắt là HTTTĐĐ) tỉnh Điện Biên trong trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Thuế tỉnh, Tài chính.
- Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 1, 2, 3, 4, 5;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công ty cổ phần tin học bản đồ Việt Nam (đơn vị cung cấp phần mềm);
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện công tác xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật chỉnh lý và khai thác hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin đất đai là hệ thống bao gồm một phần hoặc toàn bộ các thành phần phần cứng (máy tính và thiết bị ngoại vi, hệ thống mạng, thiết bị lưu trữ, thiết bị an toàn an ninh), phần mềm, cơ sở dữ liệu đất đai để xử lý, lưu trữ, phân phối thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai, công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức và nhu cầu của người sử dụng đất. Dữ liệu của hệ thống thông tin đất đai có thể bao gồm dữ liệu gốc và các dữ liệu từ nguồn khác.

2. Dữ liệu là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự

3. Cơ sở dữ liệu đất đai là tập hợp các cơ sở dữ liệu đất đai thành phần trong đó dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và

cập nhật thông qua phương tiện điện tử. Thành phần cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương được quy định tại khoản 1, Điều 3, Thông tư 25/2024/TT-BTNMT. Nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng HTTTĐĐ theo các quy định hiện hành

4. Cơ sở dữ liệu địa chính là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

5. Dữ liệu không gian địa chính là dữ liệu mô tả các đối tượng trên bề mặt trái đất được thể hiện dưới dạng hình học, được quản lý bằng hình thể và mối tương quan không gian. Dữ liệu không gian địa chính được biểu diễn dưới ba dạng cơ bản là đường, điểm và vùng.

6. Dữ liệu thuộc tính địa chính là dữ liệu về người người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tổ chức và cá nhân có liên quan đến các giao dịch về đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; dữ liệu thuộc tính về thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; dữ liệu biến động của thửa đất; dữ liệu ngăn chặn thửa đất, dữ liệu lịch sử biến động của thửa đất …

7. Mạng là khái niệm chung dùng để chỉ mạng viễn thông (cố định, di động, Internet), mạng máy tính (WAN, LAN).

8. Tài sản công nghệ thông tin là các trang thiết bị, thông tin thuộc hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị, bao gồm:

a) Tài sản vật lý: Là các thiết bị CNTT, phương tiện truyền thông và các thiết bị khác gắn với hoạt động của hệ thống thông tin, như: Máy vi tính, máy tính bảng, thiết bị lưu trữ, thiết bị ngoại vi, hệ thống điều hòa, hệ thống cung cấp điện, hệ thống chống sét, hệ thống camera,…

b) Tài sản thông tin: Là các dữ liệu, tài liệu liên quan đến hệ thống thông tin.

c) Tài sản phần mềm: Là các chương trình ứng dụng, phần mềm hệ thống, cơ sở dữ liệu và công cụ phát triển.

Điều 4. Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin:

+ Hệ thống máy chủ đặt tại Trung tâm dữ liệu (DC) đạt chứng nhận TIER 3, đã được Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định về mặt hiệu năng và an toàn thông tin, Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định về mặt nghiệp vụ của hệ thống. Đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản pháp luật hiện hành.

Hiện tại hệ thống đã cấp cho tỉnh Điện Biên vận hành tại địa chỉ https://dbi.mplis.gov.vn/.

2. Phần mềm: Sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS (sau đây gọi là Phần mềm) của Công ty cổ phần tin học bản đồ Việt Nam cung cấp và các phần mềm hỗ trợ khác (VBDLIS desktop, LISEditorVPDK...).

3. Cơ sở dữ liệu đất đai bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu địa chính;
- Cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai;

- Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Cơ sở dữ liệu giá đất;

- Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;

- Cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;

- Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Cơ sở dữ liệu địa chính là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

4. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính, chuẩn dữ liệu quy hoạch sử dụng đất, chuẩn dữ liệu giá đất và chuẩn dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.

Điều 5. Quy định chung về cơ sở dữ liệu đất đai

1. Cơ sở dữ liệu đất đai chứa dữ liệu phục vụ lưu trữ, chia sẻ theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước gồm dữ liệu chủ, dữ liệu mở, dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu địa chỉ số của thửa đất, tài sản gắn liền với đất và dữ liệu kết nối, chia sẻ theo quy định tại theo khoản 4 Điều 52 Nghị định 101/2024/NĐ-CP.

2. Tính pháp lý

Tính pháp lý thông tin trong CSDL đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp thì có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy.

Mọi thông tin cung cấp từ CSDL đất đai này phải được xác nhận của đơn vị được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ thì mới có giá trị pháp lý.

3. Tính duy nhất

Cơ sở dữ liệu đất đai là duy nhất và thống nhất trên toàn tỉnh, mọi hoạt động nghiệp vụ phải được thực hiện trên phần mềm VBDLIS đã cấp có thẩm quyền phê duyệt, cho phép sử dụng.

4. Tính toàn vẹn

Dữ liệu phải được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy trình nghiệp vụ và kiểm tra, nghiệm thu theo quy định trước khi đưa vào Cơ sở dữ liệu đất đai. Mọi sự thay đổi đối với dữ liệu phải được ghi nhật ký hệ thống (log) để đảm bảo khả năng truy vết và quy trách nhiệm.

5. Tính sẵn sàng sử dụng

Cơ sở dữ liệu đất đai phải đảm bảo luôn sẵn sàng để sử dụng trong các ngày làm việc. Mọi công tác bảo trì, nâng cấp làm gián đoạn việc sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai trong các ngày làm việc phải được báo trước. Mọi sự cố phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất và phải được báo cáo về Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương II
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 6. Cơ quan xây dựng quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành HTTTĐĐ tỉnh Điện Biên.

2. Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị quản lý vận hành, khai thác, cập nhật chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai. Văn phòng Đăng ký có trách nhiệm cung cấp tài khoản, phân quyền truy cập cho các cá nhân tham gia sử dụng, gắn với trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân để đảm bảo an toàn thông tin cho HTTTĐĐ.

3. Uỷ ban nhân dân xã, phường trong địa bàn tỉnh Điện Biên được truy cập HTTTĐĐ để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đối với các hồ sơ theo thẩm quyền giải quyết của mình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai thông qua tài khoản do Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp. Thực hiện khai thác thông tin phục vụ quản lý nhà nước theo phân cấp, phân quyền tại địa phương.

4. Những đơn vị khác thực hiện các dự án liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai được phép cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai theo thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Việc cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai thông qua các công trình phải đảm bảo các yêu cầu trong thiết kế kỹ thuật và không làm gián đoạn công tác cập nhật, chỉnh lý biến động dữ liệu thường xuyên. Dữ liệu trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai phải được kiểm tra, nghiệm thu theo đúng quy định.

Điều 7. Nguyên tắc vận hành hệ thống thông tin đất đai

1. HTTTĐĐ của tỉnh Điện Biên được quản lý và vận hành theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Việc tham gia quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng HTTTĐĐ của tỉnh bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tất cả các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai phải thực hiện trong HTTTĐĐ và thực hiện đảm bảo đúng quy trình đã thiết lập trên phần mềm. Các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phải đảm bảo đúng các bước của từng quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

3. Hồ sơ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính đều phải scan (chụp) hồ sơ kèm theo khi trả kết quả cho người làm thủ tục đăng ký đất đai và lưu trữ liên kết thông tin vào cơ sở dữ liệu. Định dạng tệp tin lưu trữ dưới khuôn dạng *.pdf, thành phần hồ sơ scan (chụp) do theo thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính.

4. Việc khai thác, sử dụng lại thông tin cơ sở dữ liệu đất đai được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.

Điều 8. Kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin với Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên

1. HTTTĐĐ của tỉnh được kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai VNLIS, phần mềm ứng dụng Lệ phí trước bạ của

ngành Thuế, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các phần mềm khác.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử quy định tại Khoản 1 Điều này trên cơ sở đề xuất của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu điện tử với Hệ thống thông tin đất đai của tỉnh.

Chương III
CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ BIẾN ĐỘNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Điều 9. Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai

a) Các thông tin dữ liệu cập nhật vào hệ thống phải thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môitrường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

b) Cập nhật cơ sơ dữ liệu đất đai thông qua các công trình, dự án phải đảm bảo đúng các yêu cầu trong thiết kế kỹ thuật và không làm gián đoạn quá trình cập nhật dữ liệu thường xuyên.

c) Việc cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính phải tuân thủ theo quy định về quản lý, chỉnh lý bản đồ địa chính.

d) Công tác cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phải được thường xuyên kiểm tra, giám sát theo kế hoạch, chuyên đề và được lập biên bản để lưu trữ.

đ) Nghiêm cấm việc sử dụng các phần mềm, hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác để cập nhật dữ liệu và thay đổi cấu trúc dữ liệu.

Điều 10. Đăng ký đất đai và chỉnh lý biến động trong cơ sở dữ liệu đất đai

1. Đối với dữ liệu thuộc tính và hồ sơ quét đất đai

a) Tất cả các nghiệp vụ về Đăng ký cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai, ngăn chặn, hạn chế quyền… đều phải được thực hiện thông qua các chức năng trên phần mềm.

b) Các cập nhật biến động vào cơ sở dữ liệu đất đai phải được ghi nhận vào thông tin lịch sử biến động của hồ sơ. Mọi cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phải được ghi nhật ký (log).

c) Thành phần hồ sơ quét bao gồm: Là đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tương ứng với từng thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn cập nhật dữ liệu thuộc tính và hồ sơ quét (scan) vào cơ sở dữ

liệu không quá **1/2 ngày làm việc** (tương đương 04 giờ làm việc) kể từ khi hoàn thành hồ sơ và đã được lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực có trách nhiệm lập, cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai và hồ sơ địa chính đảm bảo quy định. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, phường có trách nhiệm chuyển hồ sơ kèm theo bản sao và bản scan gốc của GCN đã cấp đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc để lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Đối với bản đồ địa chính

a) Cập nhật, quản lý bản đồ địa chính dùng chung

- Đối với sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính:

Các hạng mục công việc và sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính phải được kiểm tra, giám sát để đảm bảo khối lượng và chất lượng sản phẩm. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định về kiểm tra, giám sát hạng mục công việc, sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính hoàn thành, gồm sản phẩm chính và sản phẩm trung gian phải được đóng gói, tập hợp thành từng tập, từng tệp tin có ghi chú, đánh mục lục để tra cứu trước khi giao nộp.

Chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính có trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức giao nộp sản phẩm vào lưu trữ trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính dùng chung. Thời gian hoàn thành việc bàn giao lưu trữ và cập nhật vào cơ sở dữ liệu là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày sản phẩm được nghiệm thu.

- Phòng Quản lý đất đai và Đo đạc bản đồ hướng dẫn việc giao nộp sản phẩm bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính để sản phẩm được đưa vào sử dụng kịp thời và giao Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai ngay sau khi tờ bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính được ký xác nhận sản phẩm theo quy định; quản lý, sử dụng tập trung, thống nhất và cập nhật, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính.

- Bản đồ địa chính dùng chung phải được quản lý, sử dụng tập trung, thống nhất và cập nhật, chỉnh lý trên một hệ thống theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính đảm bảo: tính pháp lý khi khai thác sử dụng; quản lý việc phân quyền sử dụng, cấp quyền sử dụng, giám sát người sử dụng; chế độ vận hành, các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin; cơ chế sao lưu, lưu trữ, dự phòng và phục hồi dữ liệu thường xuyên và đột xuất khi có sự cố; thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng và chỉnh lý biến động đồng bộ với quy trình nghiệp vụ gắn với trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

- Bản đồ địa chính dùng chung được cập nhật, chỉnh lý biến động khi có sự thay đổi thông tin thể hiện trên bản đồ. Việc cập nhật bản đồ địa chính dùng chung thông qua các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn phải đảm bảo theo quy định các quy định hiện hành. Trường hợp cần đưa thông tin ghi chú vào bản đồ

địa chính dùng chung ngoài quy định phải được sự thống nhất của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời gian để thực hiện công tác cập nhật, chỉnh lý biến động cho một (01) thửa đất lên bản đồ địa chính dùng chung không quá **1/4 ngày làm việc** (tương đương 02 giờ làm việc) kể từ khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc là đơn vị tổ chức, triển khai thực hiện việc cập nhật lên hệ thống bản đồ địa chính dùng đối với dữ liệu là sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính sau khi được kiểm tra nghiệm thu theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc cập nhật bản đồ địa chính dùng chung

- Phòng Quản lý đất đai là đơn vị quản lý nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện.

- Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện. Báo cáo kết quả kiểm tra theo định kỳ hàng tháng về cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định.

- Đối với công tác cập nhật biến động thường xuyên, việc kiểm tra giám sát phải được thực hiện đối với từng thửa đất khi cập nhật vào bản đồ địa chính dùng chung. Việc kiểm tra phát hiện các sai sót số liệu, phải xây dựng giải pháp xử lý, khắc phục và lập biên bản kiểm tra theo quy định.

- Việc kiểm tra phải thực hiện trực tiếp trên file dữ liệu

Điều 11. Các hình thức khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai

1. Tra cứu trực tuyến thông tin, dữ liệu đất đai qua mạng internet, cổng thông tin điện tử, dịch vụ tin nhắn SMS.

2. Trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính.

3. Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị nhớ.

4. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu đất đai thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phải trả phí, chi phí khai thác dữ liệu và sử dụng tài liệu đất đai theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này.

6. Trường hợp cung cấp dữ liệu địa chính để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu địa chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan, không thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu địa chính.

Điều 12. Những trường hợp không cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai

1. Thông tin, dữ liệu đất đai thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. Khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định của Nghị

định này.

2. Những thông tin, dữ liệu đất đai gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội mà pháp luật quy định.

3. Thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà chưa được sự đồng ý của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đó, trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, thi hành án dân sự, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu không hợp lệ theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhưng không thực hiện nộp phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai hoặc giá sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và khoản 2 Điều 63 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

Chương III
BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG, AN TOÀN THÔNG TIN CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 14. Nguyên tắc đảm bảo an toàn Hệ thống thông tin đất đai

1. Chỉ người sử dụng được trao quyền mới có thể truy nhập cơ sở dữ liệu đất đai và người sử dụng chỉ có thể cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi thẩm quyền của mình.

2. Cơ sở dữ liệu đất đai phải được đảm bảo an toàn trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại. Không được cung cấp trái phép cơ sở dữ liệu đất đai dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Không được phép chia sẻ, cung cấp ngoài thẩm quyền tài khoản truy cập đến dữ liệu đất đai dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Không được cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai ngoài thẩm quyền được giao theo quy định.

Điều 15. Quy định về bảo mật hệ thống

1. Duy trì, cập nhật thường xuyên đối với hệ thống bảo mật (tường lửa, phần mềm chống mã độc, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập,…) để bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin đất đai.

2. Tất cả các thiết bị tham gia trong hệ thống phải được cài đặt hệ điều hành và phần mềm diệt virus máy tính có bản quyền.

3. Hệ điều hành và phần mềm diệt virus máy tính được cập nhật kịp thời các phiên bản mới. Riêng đối với phần mềm diệt virus phải được đặt ở chế độ quét thường xuyên, quét khi có kết nối với các thiết bị ngoại vi (usb, ổ cứng cắm ngoài,…).

4. Những máy tính được phát hiện có mã độc phải được cách ly ngay khỏi hệ thống để tránh lây nhiễm sang các máy tính khác.

5. Việc thay đổi cấu hình của hệ thống bảo mật tại hệ thống máy chủ phải có sự phê duyệt của cơ quan quản lý bằng văn bản.

Điều 16. Bảo mật thông tin, dữ liệu đất đai

1. Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh...

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiếp cận thông tin, bảo mật thông tin của cá nhân, tổ chức.

3. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng chung hoặc sử dụng tài khoản của người khác để truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

4. Không được mua bán, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trái quy định của pháp luật.

5. Nghiêm cấm các hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai không đúng mục đích hoặc ngoài mục đích xử lý nghiệp vụ chuyên môn được giao, vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin ngành trong công tác quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai.

Điều 17. Cấp và quản lý tài khoản người dùng

1. Cấp tài khoản người dùng

a) Việc cấp và phân quyền chức năng tài khoản người dùng theo yêu cầu của các đơn vị phải được sự phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm cấp và phân quyền tài khoản người dùng để truy cập vào các phần mềm của hệ thống thông tin đất đai theo văn bản đề nghị của đơn vị sử dụng.

c) Mọi tài khoản được cung cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể.

2. Quản lý tài khoản

a) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm theo dõi, quản lý và đề xuất xử lý đối với các tài khoản đã được cấp theo quy định.

b) Tài khoản quản trị hệ thống phải có mật khẩu đủ độ dài (08 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,...), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 03 (ba) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

c) Tài khoản quản lý hệ thống đối với các đơn vị sử dụng yêu cầu mật khẩu phải có đủ độ dài (08 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,…), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 03 (ba) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

d) Tài khoản người dùng yêu cầu phải có mật khẩu đủ độ dài (8 ký tự trở lên) và phải kết hợp các loại ký tự sau: chữ cái in thường (a, b,…), chữ cái in hoa (A, B,…), ký tự số (1, 2,…) và các ký tự đặc biệt (@, !, #...). Yêu cầu 06 (sáu) tháng phải thay đổi mật khẩu một lần.

đ) Khóa tài khoản

- Tài khoản không sử dụng quá 01 (một) tháng.

- Tài khoản cấp mới nhưng trong vòng 01 (một) tuần không đổi mật khẩu.

- Tài khoản sử dụng để cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai khi công trình đã nghiệm thu.

- Trường hợp đơn vị có công chức, viên chức đã được cấp tài khoản truy cập, khai thác hệ thống thông tin đất đai VBDLIS nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí việc làm, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản đến đến Văn phòng đăng ký đất đai để thu hồi tài khoản, trong vòng 03 ngày để thu hồi tài khoản.

Điều 18. Sao lưu, xóa và phục hồi cơ sở dữ liệu

1. Sao lưu cơ sở dữ liệu

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS chịu trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu thuộc tính, dữ liệu không gian, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) thường xuyên, đảm bảo khôi phục lại cơ sở dữ liệu khi có sự cố xảy ra;

b) Văn phòng đăng ký đất đai chịu trách nhiệm sao lưu cơ sở dữ liệu thuộc tính, dữ liệu không gian đất đai, dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét) định kỳ 10 ngày/01 lần vào hạ tầng lưu trữ tại đơn vị và định kỳ 03 tháng/01 lần vào thiết bị lưu trữ dữ liệu nằm ngoài hạ tầng lưu trữ nêu trên.

2. Quy định về xóa dữ liệu:

a) Trường hợp cần thiết phải thực hiện xóa dữ liệu, chuyên viên xử lý đề xuất yêu cầu xóa dữ liệu theo Mẫu tại Phụ lục 2. Yêu cầu xóa dữ liệu phải được phê duyệt bởi Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và pháp luật về quyết định của mình.

b) Sau khi được phê duyệt, người được Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai phân công nhiệm vụ xóa dữ liệu thực hiện xóa dữ liệu theo đề xuất.

3. Phục hồi cơ sở dữ liệu

a) Đối với việc phục hồi cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, chuyên viên xử lý đề xuất yêu cầu theo Mẫu tại Phụ lục 2 và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Văn phòng đăng ký đất đai trước khi phối hợp với Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm thực hiện việc khôi phục dữ liệu.

b) Khi có sự cố xảy ra liên quan đến cơ sở dữ liệu khác cần phải khôi phục, Đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm có trách nhiệm thông báo về mức độ sự cố, kế hoạch khôi phục dữ liệu ngay lập tức về Sở Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo.

Điều 19. Giám sát an ninh mạng, an toàn thông tin

1. Hệ thống thu thập thông tin phải được thực hiện giám sát an ninh mạng, an toàn thông tin và kết nối, chia sẻ kết quả giám sát về Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Điện Biên.

2. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin có trách nhiệm phối hợp với Công an tỉnh tổ chức thực hiện việc giám sát hệ thống thông tin theo Điều 15 của Nghị định số 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số của Luật An ninh mạng và Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin.

Điều 20. Quy định về xử lý sự cố

1. Trong quá trình cập nhật, chỉnh lý biến động, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai, nếu phát hiện có sự cố thì đơn vị quản lý hạ tầng phải báo cáo ngay cho lãnh đạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời. Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sự cố, đánh giá và phân loại theo 03 mức: sự cố thông thường, sự cố nghiêm trọng và sự cố đặc biệt nghiêm trọng.

a) Đối với các sự cố thông thường (không gây ảnh hưởng đến việc vận hành cơ sở dữ liệu đất đai), đơn vị quản lý hạ tầng nhanh chóng xử lý sự cố, trường hợp không xử lý được cần thông báo cho các đơn vị có liên quan để phối hợp giải quyết.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy chủ, đường truyền dữ liệu, các sự cố liên quan đến an ninh thông tin, mất mát dữ liệu, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của hệ thống), ngay sau khi phát hiện sự cố đơn vị quản lý hạ tầng cần đánh giá nhanh ảnh hưởng của sự cố, tiến hành các biện pháp kịp thời để bảo vệ dữ liệu, ngăn chặn sự cố và thực hiện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng (gây ngưng trệ đến toàn bộ hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai), đơn vị quản lý hạ tầng phải tạm dừng hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, tiến hành các biện pháp khắc phục để đưa hệ thống lại trong thời gian sớm nhất, đánh giá ảnh hưởng của sự cố và thực hiện báo cáo ngay về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các nguyên tắc trong việc xử lý sự cố

a) Phải tuân thủ Quy trình xử lý sự cố do cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu đất đai phê duyệt và ban hành;

b) Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị của hệ thống;

c) Cơ sở dữ liệu địa chính phải được sao lưu trước khi xử lý sự cố;

d) Ghi nhật ký sự cố kỹ thuật phát sinh tại chỗ theo quy định;

đ) Thông báo cho các bên liên quan về thời gian khắc phục xong sự cố;

e) Lập báo cáo sự cố gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các sự cố nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện sự cố.

3. Xử lý nhanh sự cố

Trong trường hợp vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tập trung có xảy ra sự cố, Văn phòng Đăng ký đất đai và đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, xử lý nhanh chóng, kịp thời các lỗi, sự cố liên quan đến công tác cập nhật, chỉnh lý biến động, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai;

b) Ngừng vận hành hoặc khai thác, sử dụng một phần hoặc toàn bộ cơ sở dữ liệu đất đai;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu đất đai;

d) Phối hợp với các phòng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn ngừa các sự cố có thể tiếp tục xảy ra và đảm bảo an toàn cho người và cơ sở dữ liệu đất đai;

đ) Tùy theo mức độ của sự cố, nhân viên vận hành báo cáo kịp thời đến lãnh đạo đơn vị để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời;

e) Lập báo cáo nhanh sự cố;

f) Bảo vệ hiện trường, trừ trường hợp phải giải quyết khẩn cấp để hạn chế thiệt hại.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 21. Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác Hệ thống thông tin đất đai

1. Quán triệt Quy chế này đến từng công chức, viên chức tại đơn vị và triển khai thực hiện.

2. Triển khai các nguyên tắc an toàn thông tin theo quy định tại quy chế này và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành khi xảy ra sự cố an toàn thông tin có liên quan đến các tài khoản mà đơn vị đang quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, theo kế hoạch định kỳ hoặc theo chuyên đề đối với công tác cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ địa chính dùng chung, dữ liệu không gian đất đai...

3. Chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tích hợp các

thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai vào cơ sở dữ liệu theo đúng quy định.

4. Dự trù kinh phí thường xuyên để đảm bảo duy trì hoạt động vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 23. Trách nhiệm của Văn phòng Đăng ký đất đai

1. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quản lý, vận hành, cập nhật chỉnh lý, chia sẻ và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. Bố trí cán bộ đủ năng lực, chuyên môn để thực hiện công tác quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ dùng chung… đúng quy chế.

3. Quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai; quản trị cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động ổn định, thông suốt.

4. Nhận bàn giao các sản phẩm từ các công trình, dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai và tổ chức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin theo quy định.

5. Đảm bảo an toàn thông tin cho toàn hệ thống, cập nhật chỉnh lý biến động thường xuyên cho hệ thống bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định tại Điều 18 của quy chế này. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về độ chính xác của nội dung dữ liệu chỉnh lý biến động được cập nhật.

6. Dự kiến nhu cầu, xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động cơ sở dữ liệu đất đai hàng năm đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển của cơ sở dữ liệu và công nghệ hiện nay.

Điều 24. Trách nhiệm của UBND các xã, phường

1. Sử dụng phần mềm hệ thống thông tin đất đai tỉnh Điện Biên một cách hiệu quả; thực hiện các tác nghiệp trên hệ thống một cách kịp thời và chính xác; sử dụng phần mềm cho tất cả các nghiệp vụ đăng ký đất đai. Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm.

2. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và đơn vị về các hoạt động xuất phát từ tài khoản của mình.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin, quản lý vận hành và khai thác sử dụng hệ thống.

4. Không được tự ý cài đặt các phần mềm có chức năng tương tự vào máy tính của đơn vị; không tự ý thiết lập, cấu hình lại phần mềm; không được khai thác và cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị.

Điều 25. Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực.

1. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, các vị trí chức danh chuyên môn và bố trí đủ số lượng viên chức và người lao động cần thiết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khai thác sử dụng, chỉnh lý biến động thường xuyên cơ sở dữ liệu địa chính, bản đồ dùng chung …chịu trách nhiệm quản lý hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của đơn vị mình.

2. Có trách nhiệm thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai gắn

với công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã được giao phụ trách đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.s

Scan (chụp) và quản lý Giấy chứng nhận và kèm theo giấy tờ (theo quy định) cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai đang vận hành. Thực hiện trên hệ thống phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai về công tác lưu trữ, quản lý bản sao lưu dự phòng, bản sao giấy chứng nhận và các giấy tờ khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Thường xuyên kiểm tra, đảm bảo 100% máy tính người dùng khi kết nối vào hệ thống bản đồ dùng chung phải được cài đặt phần mềm diệt mã độc có bản quyền. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về độ chính xác của nội dung dữ liệu chỉnh lý biến động được cập nhật.

4. Sẵn sàng và tích cực hỗ trợ, hướng dẫn phòng Kinh tế trực thuộc UBND các xã, phường về công tác chuyên môn, nghiệp vụ khi khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên phần mềm để giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND các xã, phường.

5. Thường xuyên nhắc nhở và phê bình viên chức, người lao động thực hiện quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai chậm trễ, không đúng quy định, để sai sót hoặc mất cơ sở dữ liệu đất đai. Đồng thời, đề xuất khen thưởng các cá nhân thực hiện quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai đúng thời gian, đảm bảo cơ sở dữ liệu đất đai đầy đủ, chính xác.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị thi công công trình xây dựng, cập nhật, hoàn thiện dữ liệu số đất đai và các đơn vị liên quan

1. Đơn vị thi công

a) Cập nhật dữ liệu số đất đai theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường dựa trên các dự án, thiết kế kỹ thuật, kế hoạch đã được phê duyệt.

b). Chịu trách nhiệm chính về nội dung dữ liệu số đất đai đối với các đơn vị hành chính cập nhật trong thời gian thi công công trình, dự án.

c) Giao nộp dữ liệu hoàn thiện sau khi được kiểm tra nghiệm thu cho Văn phòng Đăng ký đất đai, phòng Quản lý đất đai theo các quy định hiện hành.

2. Đơn vị liên quan

Trách nhiệm tùy theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị và các nhiệm vụ khác do Sở giao. Tuy nhiên, việc cập nhật và khai thác dữ liệu không được trái với các quy định của pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định do UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Công chức, viên chức và người lao động vi phạm quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu các hình thức kỷ luật áp dụng theo quy định của pháp luật tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/09/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

2. Trường hợp công chức, viên chức và người lao động vi phạm quy định này mà gây thiệt hại vật chất cho cơ quan phải bồi thường thiệt hại theo quy

định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm vật chất đối với công chức, viên chức và người lao động đó.

3. Công chức, viên chức, người lao động chuyên trách thực hiện công tác quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai và thủ trưởng quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu để xảy ra tình trạng thực hiện không đúng và chậm trễ thời gian quy định.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo và đề xuất cho UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc. Định kỳ mỗi quý báo cáo một lần cho UBND tỉnh việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Kinh tế, công chức trực thuộc UBND các xã, phường, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, Giám đốc các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, cần điều chỉnh bổ sung các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định này phù hợp tình hình thực tế./.